

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2019/DS-ST**.

Ngày: 30/07/2019.

V/v "*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Võ Thanh Bình**

- Bà **Phạm Hồng Gái**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên Tòa: Ông **Nguyễn Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 07 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **83/2018/TLST-DS**, ngày **02 tháng 5 năm 2018** về vụ "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-DS, ngày 25/03/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐST-DS ngày 18/04/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy K**, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Tổ 10, ấp H B, xã CĐ, huyện C Th, tỉnh A G.

* Bị đơn: Chị **Đặng Thị Thanh T**, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Ấp H Tr, xã M H S, huyện HĐ, tỉnh KG.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Lê Thanh V**, sinh năm: 1984 (chồng của chị T). Địa chỉ: Ấp H Tr, xã M H S, huyện HĐ, tỉnh KG.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Ý kiến trình bày của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thúy K như sau:*

Giữa chị với chị T là bà con ruột với nhau. Nên vào ngày 02/03/2016 chị K có cho chị T vay số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) để mua đất. Thời hạn vay là 03 tháng. Khi vay hai bên có làm biên nhận ngày 02/03/2016, thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng. Đến hạn thanh toán nợ do chị T không thực hiện việc trả nợ cho chị K nên giữa chị và chị T có viết thêm 01 biên nhận lấy tiền ngày 17/9/2017. Cả hai biên nhận nêu trên đều do chị T viết và ký tên.

Từ khi vay cho đến nay chị T đã đóng lãi được 3 lần: Lần 1 vào ngày 12/5/2017 đóng 8.000.000 đồng, lần 2 ngày 7/8/2017 đóng 8.000.000 đồng và ngày 11/10/2017 đóng 4.000.000 đồng. Tổng cộng chị T đã đóng lãi cho chị được 20.000.000 đồng, những lần chị T đóng lãi không có làm biên nhận giấy tờ gì. Từ tháng 11/2017 cho đến nay chị T không trả vốn cũng không đóng lãi cho chị.

Nay chị yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị Đặng Thị Thanh T và anh Lê Thanh V phải trả cho chị tổng cộng 251.712.000 đồng (Trong đó, gốc 180.000.000 đồng và lãi 71.712.000 đồng, với mức lãi suất là 1.66%/tháng kể từ ngày 02/03/2016 đến ngày 02/03/2018). Chị đồng ý trừ lại phần tiền lãi 20.000.000 đồng mà chị T đã đóng trước đó cho chị. Như vậy, chị yêu cầu vợ chồng chị Đặng Thị Thanh T và anh Lê Thanh V phải trả cho chị tổng cộng 231.712.000 đồng. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

** Ý kiến trình bày của bị đơn là Đặng Thị Thanh T như sau:*

Chị với chị K là chỗ bà con với nhau. Trước đây, chị có vay của chị K số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) để chăm nuôi nhưng chị không nhớ vay thời gian nào. Khi vay hai không có làm biên nhận giấy tờ gì, không có thỏa thuận thời hạn trả nhưng có thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng. Từ khi vay cho đến nay chị có trả lãi cho chị K nhưng không nhớ là đóng bao nhiêu, việc chị trả tiền lãi cho chị K thì hai bên không làm biên nhận cũng không ai chứng kiến. Sau này, chị K có đưa cho chị một tờ giấy kêu chị ký tên vào nhưng do không biết chữ nên chị không có ký. Chị không thừa nhận chữ viết và chữ ký tên trong tờ biên nhận ngày 02/3/2016 và ngày 19/7/2017 là của chị. Nay chị K yêu cầu chị trả số tiền 180.000.000 đồng là chị không đồng ý. Chị chỉ mượn chị K 18.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền cho chị K là 18.000.000 đồng và xin không phải trả thêm tiền lãi. Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

** Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Thanh V như sau:* Anh thống nhất theo ý kiến của vợ anh. Anh thừa nhận vợ chồng còn nợ

chị K số tiền 18.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này vào cuối tháng 8/2018. Ngoài ra, anh không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa: Chị K yêu cầu vợ chồng chị Đặng Thị Thanh T và anh Lê Thanh V phải trả cho chị nợ gốc là 180.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 02/03/2016 đến ngày 02/03/2018 với suất là 1.125%/tháng là 48.600.000 đồng. Chị đồng ý trừ lại phần tiền lãi 20.000.000 đồng mà chị T đã đóng trước đó cho chị. Như vậy, chị yêu cầu vợ chồng chị Đặng Thị Thanh T và anh Lê Thanh V phải trả cho chị tổng cộng 208.600.000 đồng. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

Chị T: Thừa nhận chữ ký tên và viết tên Đặng Thị Thanh T tại 02 biên nhận ngày 02/03/2016 và ngày 19/7/2017 là do chị viết nhưng chị chỉ vay của chị K số tiền là 18.000.000 đồng nên chị đồng ý trả cho chị K số tiền là 18.000.000 đồng và xin không phải chịu tiền lãi.

Anh V: Thống nhất với lời trình bày của chị T và không có ý kiến gì thêm.

Đại diện VKSND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Ông Nguyễn Minh Hậu trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo tố tụng: Việc tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện tốt các quyền cũng như nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy K.

Buộc vợ chồng chị Đặng Thị Thanh T và anh Lê Thanh V phải trả cho chị K số tiền tổng cộng 208.600.000 đồng (Trong đó, nợ gốc là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 28.600.000 đồng).

Về án phí và chi phí giám định: Buộc vợ chị Đặng Thị Thanh T và anh Lê Thanh V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho chị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa chị Nguyễn Thị Thúy K và chị Đặng Thị Thanh T được xác lập vào năm 2016 nên khi phát sinh tranh chấp sẽ được áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị Đặng Thị Thanh T và anh Lê Thanh V phải trả cho chị tổng cộng 208.600.000 đồng (Trong đó, gốc 180.000.000đ và lãi 48.600.000 đồng - 20.000.000 đồng (chị T đã đóng), với mức lãi suất là 1.125%/tháng kể từ ngày 02/3/2016 đến ngày 02/3/2018). Hội đồng xét xử, xét thấy:

- Về nợ gốc: Theo chị K trình bày chị có cho chị T vay số tiền 180.000.000 đồng, mục đích vay để chị T mua đất, hai bên thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Khi vay hai bên có làm biên nhận lấy tiền ngày 02/3/2016. Hết thời hạn vay chị T không trả nợ cho chị K nên đến ngày 19/7/2017 chị T và chị có làm lại biên nhận lấy tiền. Chị đã cung cấp cho Tòa án nhận lấy tiền ngày 02/03/2016 và biên nhận lấy tiền ngày 19/7/2017. Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh V thừa nhận chị có vay tiền của chị K số tiền là 18.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả số tiền 18.000.000 đồng cho chị K. Chị T không thừa nhận chữ ký tên và chữ viết tên trong biên nhận lấy tiền ngày 02/3/2016 và ngày 29/7/2017 là của chị. Vì chị T cho rằng chị không biết chữ.

Xét lời khai của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi thụ lý vụ án chị K đã có đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết tên của chị T tại biên nhận lấy tiền ngày 02/3/2016 và ngày 29/7/2017. Tại bản kết luận giám định số: 87/KL-KLHS ngày 10/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận: Chữ ký mang tên Đặng Thị Thanh T và chữ viết trên **“Biên nhận lấy tiền”** đứng tên Đặng Thị Thanh T đề ngày 02/03/2016 (ký hiệu A1) và “Biên nhận lấy tiền” đứng tên Đặng Thị Thanh T đề ngày 19/7/2017 (ký hiệu A2) so với chữ ký “T” và chữ viết ghi họ tên “Đặng Thị Thanh T” trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 **là do cùng một người ký và viết ra.** Tại phiên tòa ngày 17/5/2019 chị T thừa nhận chữ ký tên và viết tên Đặng Thị Thanh T tại 02 biên nhận nợ ngày 02/03/2016 và ngày 19/7/2017 là do chị ký và viết. Nhưng chị và anh V nại ra rằng nội dung 02 biên nhận nợ nêu trên không phải do chị T viết vì chị T không biết chữ và đề nghị Tòa án ngưng phiên tòa để anh chị yêu cầu giám định chữ viết của chị T. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định ngừng phiên tòa. Ngày 27/5/2019 chị T có đơn yêu cầu giám định chữ viết nhưng không cung cấp mẫu chữ viết của chị. Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu chị T cung cấp mẫu chữ viết của chị T để Tòa án tiến hành các thủ tục giám định theo quy định chung nhưng hết thời hạn chị T không cung cấp nên Tòa án đã ra Thông báo mở lại phiên tòa xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa chị T thừa nhận 02 biên nhận nợ ngày 02/03/2016 và ngày 19/7/2017 là do chính chị ký và viết. Phía anh V cũng không có ý kiến gì với kết luận giám định số: 87/KL-KLHS ngày 10/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay chị T và anh V cũng không có chứng cứ gì chứng minh chữ viết trong nội dung của 02 biên nhận nợ nêu trên là không phải của chị T. Từ những cơ sở và nhân định trên Hội đồng xét xử nhận thấy vào ngày 02/03/2016 chị T có vay của chị K số tiền 180.000.000 đồng đến hạn thanh toán nợ chị T không trả cho chị K là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 474 Bộ Luật dân sự năm 2005. Do đó, Hội đồng xét xử, buộc chị T phải trả cho chị K số nợ gốc là 180.000.000 đồng.

Về lãi suất: Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng thấy rằng: tại biên nhận lấy tiền ngày 02/03/2016 thể hiện lãi suất vay là 4%/tháng, thời hạn vay là 03 (ba) tháng và tại phiên tòa chị K, chị T đều xác nhận lãi suất vay là 4% / tháng. Nên HĐXX xác định đây là hợp đồng vay tiền có lãi và vay có kỳ hạn trả nợ.

Do đó, chị K yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 1.125%/tháng và tính lãi từ ngày 02/3/2016 đến ngày 02/3/2018 là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận theo yêu cầu của chị K. Cụ thể lãi suất được tính như sau:

$180.000.000 \text{ đồng} \times 1.125\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 48.600.000 \text{ đồng}$. Tại phiên Tòa chị K thừa nhận phía chị T đã đóng lãi cho chị được số tiền 20.000.000 đồng và đồng ý trừ số tiền này cho chị T. Như vậy số tiền lãi chị T còn phải trả cho chị K là $48.600.000 \text{ đồng} - 20.000.000 \text{ đồng} = 28.600.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi buộc chị T phải trả cho chị K là 208.600.000 đồng.

Đối với khoản tiền lãi mà chị T cho rằng đã trả cho chị K trong thời gian hai bên cho vay, theo mức lãi suất 4%/tháng. HĐXX xét thấy, đây là mức lãi suất cao hơn mức lãi suất quy định của pháp luật. Lẽ ra, HĐXX sẽ tính lãi lại của thời gian mà chị T đã trả lãi cho chị K. Tuy nhiên, do chị T không nhớ thời gian và số tiền lãi đã đóng và không yêu cầu tính lãi lại của khoản tiền lãi đã trả, nên HĐXX không xem xét.

Đối với ý kiến của chị T xin không phải chịu tiền lãi thì phía chị K không đồng ý nên Hội đồng xét xử không thể xem xét giải quyết.

Đối với anh Lê Thanh V là chồng của chị T, tuy anh không trực tiếp vay tiền của chị K nhưng anh thừa nhận chị T vay tiền của chị K. Mặc khác, anh V đã thừa nhận mục đích chăn nuôi để kiếm tiền thêm thu nhập trong gia đình. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình buộc Lê Quốc V cùng chị Đặng Thị

Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thúy K số tiền nợ vay cả gốc và lãi là 208.600.000 đồng.

Từ những cơ sở và nhận định trên: Buộc chị Đặng Thị Thanh T và anh Lê Thanh V phải trả cho chị Nguyễn Thị Thúy K số tiền tổng cộng là 208.600.000 đồng (Trong đó, nợ gốc là 180.000.000 đồng và lãi là 20.600.000 đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Án phí được tính như sau: 208.600.000 đồng x 5% = 10.430.000 đồng.

Buộc chị T và anh V phải chịu án phí 10.430.000 đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị K.

[5] Về chi phí giám định: Buộc chị T và anh V phải chịu 1.970.000 đồng. Chị K đã trả số tiền này theo biên nhận ngày 10/11/2018 và ngày 30/01/20149 nên buộc chị T và anh V phải trả lại cho chị K số tiền 1.970.000 đồng.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 và Điều 688 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Áp dụng vào các Điều 471, Điều 474, Điều 305 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết 362/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy K.

Buộc chị Đặng Thị Thanh T và anh Lê Thanh V phải trả cho chị Nguyễn Thị Thúy K số tiền tổng cộng là 208.600.000 đồng (Trong đó, nợ gốc là 180.000.000 đồng và lãi là 20.600.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật chị K có đơn yêu cầu thi hành án, Chi cục Thi hành án ra Quyết định thi hành, nếu chị T và anh V chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì chị T và anh V còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2, Điều 468 BLDS năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án, của số tiền phải thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Buộc chị T và anh V phải chịu án phí 10.430.000 đồng (Mười triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Trả cho chị K số tiền tạm ứng án phí là 6.292.800 đồng (Sáu triệu hai trăm chín mươi hai nghìn tám trăm đồng)theo lai thu số 0003436 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về chi phí giám định: Buộc chị T và anh V phải chịu 1.970.000 đồng. Chị K đã trả số tiền này theo biên nhận ngày 10/11/2018 và ngày 30/01/20149 nên buộc chị T và anh V phải trả lại cho chị K số tiền 1.970.000 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

[5] Quyền kháng cáo: Chị K, chị T và anh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS;
- Dương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo